

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 5 – BÀI 9: LUYỆN TẬP CHUNG

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Số bé nhất trong bốn số 224 730 929; 224 721 079; 365 607 459; 308 694 990 là số nào?

- A. 224 730 929 B. 224 721 079 C. 365 607 459 D. 308 694 990

Câu 2. Phân số $\frac{208}{21}$ được viết đúng dưới dạng hỗn số là:

- A. $9\frac{21}{19}$ B. $9\frac{19}{21}$ C. $19\frac{9}{21}$ D. $9\frac{208}{21}$

Câu 3. Với phép chia có dư $2279:35$ được thương 65 và dư 4, phép tính nào dùng để kiểm tra đúng?

- A. $2279 = 2279 \times 65 + 4$ B. $2279 = (35 + 4) \times 65$
C. $2279 = 35 \times 65 + 4$ D. $2279 = 35 \times 65 - 4$

Câu 4. Cho phép chia có dư $276:9 = 30$ (dư 6). Chọn phép tính kiểm tra đúng.

- A. $276 = 9 \times 30 - 6$ B. $276 = (9 + 6) \times 30$
C. $276 = 276 \times 30 + 6$ D. $276 = 9 \times 30 + 6$

Câu 5. Một cửa hàng thu được 33 640 838 đồng vào buổi sáng và 488 631 242 đồng vào buổi chiều. Ước lượng đến hàng triệu, cả ngày cửa hàng thu được khoảng bao nhiêu đồng?

- A. 524 000 000 đồng B. 455 000 000 đồng C. 522 000 000 đồng D. 523 000 000 đồng

Câu 6. Hai kho chứa lần lượt 953 444 kg gạo và 35 192 kg gạo. Ước lượng đến hàng nghìn, hai kho chứa tất cả khoảng bao nhiêu kg gạo?

- A. 989 000 kg B. 988 000 kg C. 918 000 kg D. 990 000 kg

Câu 7. Chọn phân số lớn nhất trong các phân số sau: $\frac{38}{30}$; $\frac{33}{26}$; $\frac{12}{10}$; $\frac{36}{29}$.

- A. $\frac{38}{30}$ B. $\frac{12}{10}$ C. $\frac{33}{26}$ D. $\frac{36}{29}$

Câu 8. Chọn phép trừ hai phân số có kết quả bé nhất.

- A. $\frac{27}{10} - \frac{5}{2}$ B. $\frac{4}{5} - \frac{9}{14}$ C. $\frac{1}{6} - \frac{0}{3}$ D. $\frac{1}{4} - \frac{0}{3}$

Câu 9. Chọn biểu thức tương đương với $15 \times 94 - 15 \times 21$ khi áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng hoặc phép trừ.

- A. $15 \times (94 + 21)$ B. $15 \times (94 - 21)$ C. $15 \times 94 - 21$ D. $16 \times (94 - 21)$

Câu 10. Trong số 171 199 313, chữ số 3 ở hàng trăm có giá trị là bao nhiêu?

- A. 300 B. 3 C. 30 D. 3000

Phần II. Tự luận

Bài 1. Một xưởng sản xuất có 224 sản phẩm trong một lô hàng. Trong đó, $\frac{2}{8}$ số sản phẩm là loại I và $\frac{4}{7}$ số sản phẩm là loại II. Biết hai loại sản phẩm này không trùng nhau. Tính tổng số sản phẩm loại I và loại II trong lô hàng.

Trình bày lời giải để tìm tổng số lượng thuộc hai nhóm đã nêu.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 2. Điền phân số lớn nhất trong mỗi nhóm.

- a) Trong nhóm $\frac{20}{24}; \frac{13}{8}; \frac{5}{12}$, phân số lớn nhất là
- b) Trong nhóm $\frac{6}{36}; \frac{23}{36}; \frac{53}{36}$, phân số lớn nhất là
- c) Trong nhóm $\frac{8}{12}; \frac{8}{6}; \frac{5}{3}$, phân số lớn nhất là
- d) Trong nhóm $\frac{18}{40}; \frac{2}{4}; \frac{15}{8}$, phân số lớn nhất là

Bài 3. Giải bài toán sau.

Một thư viện ghi lại số lượt mượn sách trong 3 ngày. Số lượt mượn sách ở các ngày lần lượt là 120; 100; 242. Trung bình mỗi ngày có bao nhiêu lượt mượn sách?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 4. Thực hiện phép chia rồi điền thương và số dư.

- a) Phép chia 171 289: 18. Thương:; số dư:
- b) Phép chia 75 981: 31. Thương:; số dư:
- c) Phép chia 139 882: 52. Thương:; số dư:
- d) Phép chia 83 490: 69. Thương:; số dư:

Bài 5. Cô Mai đã dùng 40m vải để may rèm, bằng $\frac{5}{8}$ chiều dài tấm vải ban đầu. Tìm chiều dài tấm vải ban đầu.

Trình bày lời giải đầy đủ để tìm chiều dài tấm vải ban đầu.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Ước lượng kết quả các phép chia sau.

- a) Ước lượng thương 17 224: 19 (làm tròn đến hàng trăm) là
- b) Ước lượng thương 3625: 74 (làm tròn đến hàng chục) là
- c) Ước lượng thương 719 301: 92 (làm tròn đến hàng nghìn) là
- d) Ước lượng thương 129 114: 26 (làm tròn đến hàng nghìn) là

Bài 7. Giải bài toán sau và trình bày các bước tính.

Dừng đi từ khu dân cư đến khu vui chơi qua cầu nhỏ. Đoạn từ cầu nhỏ đến khu vui chơi dài 580m. Đoạn từ khu dân cư đến cầu nhỏ dài gấp 4 lần đoạn từ cầu nhỏ đến khu vui chơi. Tính quãng đường từ khu dân cư đến khu vui chơi theo đơn vị ki-lô-mét.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Bảng dưới đây ghi số lượt truy cập công học tập trong bốn tháng.

Quan sát bảng số liệu sau. Hãy điền chênh lệch giữa số liệu lớn nhất và số liệu bé nhất vào chỗ trống.

Tháng	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Số lượt truy cập (lượt)	1 327 618	1 921 050	687 339	841 285

Chênh lệch giữa số liệu lớn nhất và số liệu bé nhất là lượt.

Bài 9. Điền số thích hợp vào chỗ trống.

- a) 6,99 kg = g b) 4 Tạ = kg c) 7,5 Yến = kg d) 7,6 Tấn = tạ

Bài 10. Tính các hiệu phân số sau.

a) $\frac{16}{6} - \frac{17}{30} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{30}{20} - \frac{5}{13} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{29}{2} - \frac{30}{24} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{3}{13} - \frac{0}{19} = \dots\dots\dots$

----HẾT----

